TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 43/2019/HSST
Ngày: 09 - 8 - 2019

N H Â N D A N H
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH – TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.
Các Hội thẩm nhân dân :
Ông Nguyễn Văn Thành
Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngát - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện VKSND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Quỳnh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xử số: 35/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn L, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/10; Bố đẻ: Phạm Văn H (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị M (đã chết); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1963; Có 2 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2019, đến ngày 21/6/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng "bảo lĩnh".

2. Nguyễn Văn P, sinh năm 1956; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Trình độ văn hóa: 7/10; Bố đẻ: Nguyễn Văn Đ (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Đ (đã chết); Gia đình có 5 anh chị em bị cáo là thứ ba; Vợ: Mai Thị H - Sinh năm 1963; Có 2 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2019 đến ngày 21/6/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng "bảo lĩnh".

3. Lại Văn N, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc kinh; Trình độ văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Lại Văn Ng (đã chết); Mẹ đẻ: Hoàng Thị T, sinh năm: 1964; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Phạm Thị T, sinh năm 1984; Có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/01/2018 bị Công an huyện Nam Trực xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc bằng hình thức phạt tiền.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2019 đến ngày 04/3/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Phạm Văn U, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Xóm 10, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Trình độ văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Phạm Văn T (đã chết); Mẹ đẻ: Vũ Thị N (đã chết); Gia đình có 5 anh chị em bị cáo là thứ ba; Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1980; Có 1 con sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 17/6/2009 bị TAND huyện Nghĩa Hưng xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Ngày 24/9/2014 bị TAND huyện Nghĩa Hưng xử phạt 6 tháng tù về tội "Đánh bạc".

+ Ngày 24/3/2016 bị TAND huyện Nghĩa Hưng xử phạt 10 tháng tù về tội "Đánh bạc".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2019, tạm giam từ ngày 04/3/2019 đến nay.

5. Tống Văn Đ, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Xóm 14, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc kinh; Trình độ văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Tống Văn C, sinh năm: 1958; Mẹ đẻ: Tống Thị C, sinh năm 1958; Gia đình có 4 anh em bị cáo là thứ nhất; Vợ: Lê Thị N, sinh năm 1982; Có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 06/12/2011 bị TAND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "Đánh bạc".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/6/2019, bị tạm giam từ ngày 05/6/2019 đến nay.

6. Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; Nơi cư trú: Số nhà 42 khu phố I, thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc kinh; Trình độ văn hóa: 7/10; Bố đẻ: Nguyễn Văn T (đã chết); Mẹ đẻ: Trần Thị D (đã chết); Gia đình có 7 người con, bị cáo là thứ nhất; Chồng: Bùi Xuân T, sinh năm 1951; Có 5 con lớn nhất sinh năm 1974; con nhỏ nhất sinh năm 1983; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 08/3/2017 bị Phòng cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc (hình thức phạt tiền).

Ngày 04/3/2019 bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

7. Lưu Văn H, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc kinh; Trình độ văn hóa: 2/10; Bố đẻ: Lưu Văn R (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị G (đã chết); Gia đình có 3 anh em bị cáo là thứ ba; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; Nghề nghiệp: Kinh doanh tại thành phố Nam Định; Có 2 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2019 đến ngày 04/3/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Hoàng Đức Th, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Xóm 16, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc kinh; Trình độ văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Hoàng Văn H, sinh năm 1955; Mẹ đẻ: Tạ Thị N, sinh năm 1959; Gia đình có 3 anh em bị cáo là thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; Có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2019 đến ngày 04/3/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

9. Phạm Văn Đ1, sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Xóm 16, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc kinh, Trình độ văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Phạm Văn Y, sinh năm 1961; Mẹ đẻ: Trịnh Thị L, sinh năm 1966; Gia đình có 2 anh em bị cáo là thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1996; Có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2019 đến ngày 04/3/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

10. Vũ Văn Ph, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc kinh; Trình độ văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Vũ Văn K, sinh năm 1946; Mẹ đẻ: Phạm Thị H, sinh năm 1946; Gia đình có 4 anh chị em Bị cáo là thứ tư; Vợ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1983; Có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2019 đến ngày 04/3/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Tại phiên tòa; Có mặt các bị cáo Phạm Văn L; Nguyễn Văn P; Lại Văn N; Phạm Văn U; Tống Văn Đ; Nguyễn Thị T; Lưu Văn H; Hoàng Đức Th; Phạm Văn Đ1; Vũ Văn Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đền TT ở thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định tổ chức lễ hội đầu năm cho các tín đồ, người dân thập phương đến cúng lễ và vui chơi từ ngày 02/01 đến ngày 20/01 âm lịch hàng năm. Phạm Văn L là phó ban di tích kiêm Trưởng ban khánh tiết của đền đã bàn với Nguyễn Văn P là Thủ từ của đền, trong thời gian mở lễ hội dùng nhà Giải Vũ trong đền tổ chức cho người dân đến chơi đánh bạc dưới hình thức đánh chắn. Bốn người chơi sử dụng bộ bài chắn 100 quân chia đều cho mỗi người 19 quân còn lại 23 quân làm lọc. Người chơi xắp xếp các quân bài giống nhau gọi là chắn, cùng loại gọi là cạ và bốc lọc lần lượt cho người chơi để "ăn" thành chắn hoặc cạ. Khi bài của ai có đủ ít nhất từ 6 chắn trở lên còn lại là cạ thì ù. Người ù được lấy số đũa về tương ứng theo các cước ù quy định trước. Số đũa để chơi là đũa tre được sơn đỏ 1 đầu do L chuẩn bị từ trước đưa cho P để quy đổi thành tiền cho người chơi.

L cùng với P chuẩn bị trước 02 bộ bài chắn 100 quân, đĩa sứ, đũa tre, cốc nhựa và lá cờ đuôi nheo. L giao cho P quản lý số dụng cụ này và có trách nhiệm chuẩn bị công cụ, quy đổi thẻ đũa tre cho khách dến chơi. L và P quy định mỗi người khi tham gia chơi phải quy đổi 400.000đ thành 20 thẻ đũa tre. Sau khi chơi ai còn thẻ đũa tre thì gặp P để đổi lại thành tiền theo quy định là 20.000 đồng/1 thẻ. Hình thức chơi là đánh chắn góp, mỗi hội mỗi người chơi góp 10 thẻ đũa tre (tổng là 40 thẻ đũa tre) và mỗi hội phải bỏ ra 1 thẻ đũa tre vào cốc nhựa gọi là tiền hồ. L và P khai số tiền hồ chiếm hưởng được P cho vào hòm công đức của nhà đền để phục vụ công việc chung của nhà đền.

Khoảng 9 giờ ngày 23/02/2019, Lưu Văn H, Hoàng Đức Th, Nguyễn Thị T và Tống Văn Đ đến lễ hội đền TT chơi. Biết L và P tổ chức chơi đánh chắn ăn tiền trong nhà Giải Vũ lên H, Th, T, Đ đã vào để chơi đánh chắn ăn tiền với nhau. Khi vào chơi T có số tiền 2.300.000 đồng, H có 1.650.000 đồng, Th có 8.450.000 đồng và Đ có 2.000.000 đồng dùng để đánh chắn ăn tiền. P lấy 1 bộ bài chắn, 1 đĩa sứ, 1 cốc nhựa, 1 cờ đuôi nheo và quy đổi cho H, Th, T, Đ mỗi người 20 đũa tre. P thu của T, Th và Đ mỗi người 400.000 đồng, riêng H P chưa thu tiền. Số tiền 1.200.000 đồng quy đổi P cất vào trong hòm công đức của đền để trong nhà Giải Vũ. H, Th, T, Đ thống nhất chơi xuông 2 dịch 1 thẻ đũa tre (nghĩa là ù xuông được lấy về 2 thẻ đũa và dịch theo các cước ù, mỗi cước là 1 thẻ đũa, tương đương 20.000đ) và chơi hình thức chắn góp. Kết thúc mỗi hội bỏ ra 01 thẻ đũa tre vào cốc nhựa gọi là tiền hồ cho nhà đền.

Trong khi Đ, H, T, Th đang chơi thì có thêm Phạm Văn Đ1, Phạm Văn U, Lại Văn N và Vũ Văn Ph đến ngồi vào chiếu ở gian phía Tây nhà Giải Vũ để đánh chắn tiền với nhau. P cũng lấy 1 bộ bài chắn, 1 đĩa sứ, 1 cốc nhựa, 1 cờ đuôi nheo

và quy đổi cho Đ1, U, N, Ph mỗi người 20 đũa tre và thu mỗi người 400.000 đồng. Số tiền 1.600.000đ thu được, P bỏ vào hòm công đức cùng số tiền 1.200.000đ thu trước đó. Đ1, U, N và Ph thống nhất chơi xuông 2 dịch 1 thẻ đũa tre và chơi hình thức chắn góp. Mỗi hội bỏ ra 01 thẻ đũa tre vào cốc nhựa là tiền hồ cho nhà đền. Khi cả bọn đang chơi đến 11 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện Trực Ninh cùng Công an xã Trực Thuận phát hiện bắt quả tang. Tại thời điểm bắt giữ, Phạm Văn L và Nguyễn Văn P đang có mặt tại đền TT để quản lý việc chơi đánh chắn ăn tiền.

Vật chứng thu giữ gồm:

+ Thu trên chiếu bạc do H, Th, T, Đ tham gia chơi: 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 đĩa sứ, 01 chiếc cốc nhựa, 01 lá cơ đuôi nheo màu đỏ và 79 chiếc đũa tre là dụng cụ các đối tượng dùng để đánh bạc (trong đó 74 thẻ đũa trên chiếu, 5 thẻ đũa trong chiếc cốc nhựa "tiền hồ"). Thu trên người Lưu Văn H số tiền 1.650.000 đồng và 1 điện thoại di động, Nguyễn Thị T 1.900.000 đồng, Hoàng Đ1 Th 8.050.000 đồng và 1 điện thoại di động, Tống Văn Đ số tiền 1.600.000 đồng và 01 điện thoại SamSung J7. Toàn bộ số tiền các đối tượng khai sử dụng vào mục đích đánh bạc.

+ Thu trên chiếu bạc do Đ1, U, N, Ph tham gia chơi: 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 đĩa sứ, 01 chiếc cốc nhựa, 01 lá cơ đuôi nheo màu vàng và 80 thẻ đũa tre là dụng cụ các đối tượng dùng để đánh bạc. Thu trên người Phạm Văn Đ1 số tiền 540.000 đồng và 1 điện thoại di động, Phạm Văn U 7.030.000 đồng, Lại Văn N 15.000.000 đồng và 1 điện thoại di động và Vũ Văn Ph 4.059.000 đồng và 1 điện thoại di động. Toàn bộ số tiền các đối tượng khai sử dụng vào mục đích đánh bạc.

+ Thu trên người Phạm Văn L số tiền 3.080.000 đồng.

Lợi dụng lúc lộn xộn trong quá trình bắt giữ, Tống Văn Đ đã bỏ trốn. Ngày 14/3/2019 Đ bị Cơ quan điều tra Công an huyện Trực Ninh ra quyết định truy nã đến ngày 02/6/2019 Đ đến phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Nam Định đầu thú.

Quá trình điều tra ông Phạm Văn Tr SN 1958 ở thôn 2, xã T là phó ban khánh tiết của đền TT đã giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 2.800.000 đồng là tiền P thu khi bán thẻ đũa tre cho các đối tượng dùng để đánh bạc. P cất trong hòm công đức trong gian nhà Giải Vũ của đền.

Việc tổ chức cho người khác đánh chắn ăn tiền do Phạm Văn L và Nguyễn Văn P tự đứng ra tổ chức và thu tiền hồ, không thống nhất bàn bạc và không được sự đồng ý của Ban khánh tiết đền TT. Do vậy, không xác định trách nhiệm hình sự đối với các thành viên Ban khánh tiết. Ngoài ra theo L, P khai những ngày trước đó L và P cũng đã tổ chức cho người khác đánh chắn ăn tiền tại đền và thu tiền hồ. Số tiền hồ thu được P đã bỏ vào hòm công đức chung của nhà đền, không xác định được là bao nhiêu. CQĐT đã tiến hành xác minh nhưng không có đủ cơ sở kết luận để truy thu.

Đối với 06 chiếc điện thoại di động thu trên người các đối tượng Vũ Văn Ph 01 điện thoại Iphone6, Phạm Văn Đ1 01 điện thoại Iphone6, Lưu Văn H 01 điện thoại Iphone6 Plus, Hoàng Đức Th điện thoại Iphone5 và Lại Văn N 01 chiếc điện thoại Oppo 5S; Tống Văn Đ 01 chiếc điện thoại SamSung J7 là phương tiện liên lạc cá nhân của các đối tượng không sử dụng để đánh bạc. Hiện CQĐT đã tra lại cho các đối tượng để sử dụng.

Đối với số tiền 3.080.000 đồng thu giữ của Phạm Văn L là tiền của L sử dụng vào sinh hoạt cá nhân không dùng để đánh bạc, theo đề nghị của L Cơ quan điều tra đã tra cho bà Nguyễn Thị M SN 1963 (là vợ của L).

Tại cơ quan điều tra Phạm Văn L, Nguyễn Văn P, Lại Văn N; Phạm Văn U; Tống Văn Đ; Nguyễn Thị T; Lưu Văn H; Hoàng Đức Th; Phạm Văn Đ1; Vũ Văn Ph đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản cáo trạng số 36/QĐ-KSĐT ngày 21 tháng 6 năm 2019 của VKSND huyện Trực Ninh truy tố Phạm Văn L và Nguyễn Văn P về tội "Gá bạc" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 BLHS. Lại Văn N; Phạm Văn U; Tống Văn Đ; Nguyễn Thị T; Lưu Văn H; Hoàng Đ1 Th; Phạm Văn Đ1; Vũ Văn Ph về tội: "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nhận xét trên, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện VKSND huyện Trực Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản Cáo trạng nêu trên và đề nghị HĐXX:

1- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS, xử phạt Phạm Văn L từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng (Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2019, đến ngày 21/6/2019).

2- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS, xử phạt Nguyễn Văn P từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng (Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2019, đến ngày 21/6/2019).

3 - Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS, xử phạt Tống Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2019.

4 - Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS, xử phạt Phạm Văn U từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2019.

5 - Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS, xử phạt Lại Văn N từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2019 đến ngày 04/3/2019 được trừ vào thời gian thi hành án (một ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ).

6 - Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS, xử phạt Nguyễn Thị T từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2019, đến ngày 04/3/2019 được trừ vào thời gian thi hành án (một ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ).

7- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS, xử phạt Lưu Văn H từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2019, đến ngày 04/3/2019 được trừ vào thời gian thi hành án (một ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ).

8 - Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS, xử phạt Hoàng Đ1 Th từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2019, đến ngày 04/3/2019 được trừ vào thời gian thi hành án (một ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ).

9 - Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS, xử phạt Phạm Văn Đ1 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2019 đến ngày 04/3/2019 được trừ vào thời gian thi hành án (một ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ).

10 - Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS, xử phạt Vũ Văn Ph từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2019 đến ngày 04/3/2019 được trừ vào thời gian thi hành án (một ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ).

Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài chắn (mỗi bộ 100 quân màu đỏ) đã qua sử dụng, 02 đĩa sứ có hoa văn màu đỏ, đường kính 18cm, 02 cốc nhựa màu trắng, 02 lá cơ đuôi nheo hình tam giác (màu vàng và màu đỏ) quấn quanh thanh tre dài 32cm, 159 chiếc đũa tre (loại đũa dùng ăn cơm) màu trắng, 1 đầu sơn đỏ đã thu giữ trong quá trình điều tra. Tịch thu sung ngân sách nhà Nước số tiền 42.629.000 đồng các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc đã thu giữ trong quá trình điều tra.

Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Trực Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Pên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại Pên toà hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản ghi lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Ngày 23/02/2019 (tức ngày 19/01/2019 âm lịch), L dụng lễ hội đền Đền TT tại thôn 2 xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, Phạm Văn L và Nguyễn Văn P đã có hành vi bàn bạc, chuẩn bị công cụ, phương tiện tổ chức cho hai chiếu bạc đánh bạc bằng hình thức "đánh chắn" tại nhà Giải Vũ của đền TT; chiếu thứ nhất gồm: Lưu Văn H, Hoàng Đức Th, Nguyễn Thị T, Tống Văn Đ; chiếu thứ hai gồm: Phạm Văn Đ1, Phạm Văn Uy, Lại Văn N và Vũ Văn Ph mục đích thu tiền hồ. L và P đã thu được 100.000đ tiền hồ. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 42.629.000 đồng (*bốn mươi hai triệu sáu trăm hai mươi chín ngìn đồng)*. Hành vi của Phạm Văn L, Nguyễn Văn P đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức đánh bạc", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh truy tố các bị cáo về tội "Gá bạc" theo điểm b khoản 1 Điều 322 BLHS là không đúng. Vì trong vụ án này bị cáo Phạm Văn L là phó ban di tích kiêm trưởng ban khánh tiết và Nguyễn Văn P là thủ từ đã bàn bạc, thống nhất với nhau, chuẩn bị công cụ, phương tiện và sử dụng nhà Giải Vũ của đền TT tổ chức cho những người đến dự lễ hội tham gia đánh bạc ăn tiền với nhau. P là người trực tiếp quản lý, tổ chức việc đánh bạc và thu tiền hồ. Ngày 23/02/2019, L và P đã tổ chức cho tám đối tượng, gồm hai chiếu bạc đánh bạc ăn tiền tại nhà Giải Vũ của đền TT. Tổng số tiền các đối tượng dùng vào việc đánh bạc là 42.629.000 đồng. Vì vậy hành vi của L và P không cấu thành tội "Gá bạc" như Viện kiểm sát truy tố.

Hành vi của Lưu Văn H, Hoàng Đức Th, Nguyễn Thị T, Tống Văn Đ, Lưu Văn H, Phạm Văn Đ1, Vũ Văn Ph, Lại Văn N đủ yếu tố cấu thành tội "đánh bạc", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh đã truy tố các bị cáo về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ.

[3] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Trong vụ án trên, Phạm Văn L và Nguyễn Văn P có vai trò như nhau trong tội "Tổ chức đánh bạc", giữ vai trò chính trong vụ án. Các bị cáo Lưu Văn H, Hoàng Đức Th, Nguyễn Thị T, Tống Văn Đ, Phạm Văn U, Lại Văn N, Phạm Văn Đ1; Vũ Văn Ph cùng tham gia đánh bạc có vai vai trò như nhau.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ:

- Các bị cáo Phạm Văn L, Nguyễn Văn P: Tại CQĐT cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Các bị cáo Lưu Văn H, Hoàng Đức Th, Nguyễn Thị T, Tống Văn Đ, Lại Văn N, Phạm Văn U, Phạm Văn Đ1, Vũ Văn Ph: Tại CQĐT cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội khi 70 tuổi được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm 0 khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Tống Văn Đ trong quá trình điều tra đã ra đầu thú được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tai khoản 2 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo Nguyễn Văn P, Phạm Văn U, Nguyễn Thị T, Lại Văn N, Vũ Văn Ph có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn đã được chính quyền địa phương xác nhận, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát. HĐXX xét thấy:

Đối với các bị cáo Phạm Văn L và Nguyễn Văn P có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy về hình phạt chưa cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo việc giáo dục cải tạo các bị cáo.

Đối với các bị cáo Phạm Văn U và Tống Văn Đ về nhân thân đã bị Tòa án xét xử về tội đánh bạc nhưng các bị cáo không khắc phục sửa chữa vẫn tiếp tục phạm tội. Bị cáo Đ sau khi phạm tội lại bỏ trốn, gây cản trở cho công tác điều tra. Vì vậy, cần phải cách ly các bị cáo Phạm Văn U, Tống Văn Đ ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thị T và Lại Văn N nhân thân đã bị xử phạt hành chính nhưng các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo T đã 70 tuổi, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, về hình phạt xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo việc giáo dục cải tạo các bị cáo.

Đối với các bị cáo, Lưu Văn H, Hoàng Đức Th, Phạm Văn Đ1 và Vũ Văn Ph đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[7] Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài chắn (mỗi bộ 100 quân màu đỏ) đã qua sử dụng, 02 đĩa sứ có hoa văn màu đỏ, đường kính 18cm, 02 cốc nhựa màu trắng, 02 lá cơ đuôi nheo hình tam giác (màu vàng và màu đỏ) quấn quanh thanh tre dài 32cm, 159 chiếc đũa tre (loại đũa dùng ăn cơm) màu trắng ,1 đầu sơn đỏ đã thu giữ trong quá trình điều tra. Tịch thu sung ngân sách nhà Nước số tiền 42.629.000 đồng các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc đã thu giữ trong quá trình điều tra.

Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo cải tạo không giam giữ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn L; Nguyễn Văn P phạm tội "Tổ chức đánh bạc". Các bị cáo Lưu Văn H, Hoàng Đức Th, Nguyễn Thị T, Tống Văn Đ, Lại Văn N, Phạm Văn U, Phạm Văn Đ1, Vũ Văn Ph phạm tội "Đánh bạc".

* Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; điểm i, s khoản 1 (bị cáo P áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2) Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS:

- Xử phạt Phạm Văn L 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2019 đến ngày 21/6/2019).

- Xử phạt Nguyễn Văn P 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/8/2019 (Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2019 đến ngày 21/6/2019).

* Giao bị cáo; Phạm Văn L, Nguyễn Văn P cho chính quyền địa phương xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 (các bị cáo U và Đ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51); Điều 58 BLHS:

- Xử phạt Phạm Văn U 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2019.

- Xử phạt Tống Văn Đ 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2019.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 (bị cáo T áp dụng thêm điểm 0 khoản 1, khoản 2, các bị cáo N, Ph áp dụng thêm khoản 2) Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS:

- Xử phạt Lại Văn N 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2019 đến ngày 04/3/2019 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt Nguyễn Thị T 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2019 đến ngày 04/3/2019 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt Lưu Văn H 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2019 đến ngày 04/3/2019 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ) bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt Vũ Văn Ph 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/02/2019 đến ngày 04/3/2019 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo được tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho chính quyền địa phương thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Giao bị cáo Lại Văn N cho chính quyền địa phương xã N, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Giao bị cáo Lưu Văn H cho chính quyền địa phương xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Giao bị cáo Vũ Văn Ph cho chính quyền địa phương xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 35 BLHS:

- Xử phạt Phạm Văn Đ1, Phạm Đức Th mỗi bị cáo 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung ngân sách nhà Nước số tiền 42.629.000 đồng *(Bốn mươi hai triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng)* CQCSĐT Công an huyện Trực Ninh gửi tại tài khoản tạm gửi Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh 3949.0.1055173.00000 (Theo ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 28/6/2019). Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài chắn (mỗi bộ 100 quân màu đỏ) đã qua sử dụng, 02 đĩa sứ có hoa văn màu đỏ, đường kính 18cm, 02 cốc nhựa màu trắng, 02 lá cơ đuôi nheo hình tam giác (màu vàng và màu đỏ) quấn quanh thanh tre dài 32cm, 159 chiếc đũa tre (loại đũa dùng ăn cơm) màu trắng ,1 đầu sơn đỏ đã thu giữ của các bị cáo dùng đánh bạc có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng số 36/THA ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa CQCSĐT Công an huyện Trực Ninh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh.

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Phạm Văn L; Nguyễn Văn P, Lưu Văn H, Hoàng Đức Th, Nguyễn Thị T, Tống Văn Đ, Lại Văn N, Phạm Văn U, Phạm Văn Đ1, Vũ Văn Ph mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu